

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: B1.401

Môn thi: Kỹ năng nghe

Ca thi: 9h00

Ngày thi: 18/4/2021

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0001	Đàm Văn	Thắng	22/3/1990			
2	TA0002	Nguyễn Trung	Hiếu	22/02/1993			
3	TA0003	Trần Văn	Thịnh	05/4/1984			
4	TA0004	Bùi Thị	Lan	14/10/1977			
5	TA0005	Bùi Xuân	Chinh	05/4/1995			
6	TA0006	Phạm Thị	Luyến	08/4/1988			
7	TA0007	Đỗ Thị Hải	Anh	08/7/1995			
8	TA0008	Nguyễn Thị Thu	Thủy	25/01/1985			
9	TA0009	Hoàng Thu	Hương	09/10/1995			
10	TA0010	Hồ Minh	Khánh	08/01/1979			
11	TA0011	Lê Minh	Hải	21/7/1986			
12	TA0012	Trần Hoàng	Minh	12/8/1996			
13	TA0013	Vũ Thanh	Tâm	12/10/1980			
14	TA0014	Đặng Thế	Anh	6/6/1995			
15	TA0015	Trần Công	Ngọc	17/01/1987			
16	TA0016	Nguyễn Văn	Quyền	05/12/1990			
17	TA0017	Trần Văn	Nam	11/01/1981			
18	TA0018	Nguyễn Xuân	Đô	04/10/1980			
19	TA0019	Nguyễn Tuấn	Hải	10/09/1991			
20	TA0020	Nguyễn Minh Hoàng	Việt	14/12/1992			
21	TA0021	Hoàng Mạnh	Tuấn	12/10/1995			
22	TA0022	Lê Vĩnh	Sơn	10/07/1975			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
23	TA0023	Nguyễn Hữu	Minh	13/10/1991			
24	TA0024	Nguyễn Minh	Đức	30/01/1979			
25	TA0025	Phạm	Đông	10/02/1989			
26	TA0026	Nguyễn Mạnh	Cương	29/08/1981			
27	TA0027	Đỗ Thành	Tài	3/1/1976			
28	TA0028	Tô Thanh	Tùng	19/11/1985			
29	TA0029	Bùi Viết	Vương	6/3/1991			
30	TA0030	Dương Công	Hùng	28/7/1982			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)